

-----HẾT-----
LỜI GIẢI CHI TIẾT

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6:

IMPROVE YOUR SLEEP QUALITY

Tired of sleepless nights? Our revolutionary sleep program is designed to help you (1) **achive** deeper, more restful sleep. Say goodbye to tossing and turning, and hello to waking up refreshed. Through guided meditation, calming sounds, and expert advice, you'll (2) **transfrom** your sleep quality in just a few days. You can access our program from the comfort of your home, and it's available 24/7. The program also (3) **offers** personalized sleep plans based on your habits and preferences. Don't let poor sleep (4) **ruin** your day – sign up now and discover the difference a good night's sleep can make. Try it risk-free (5) **for** 30 days and feel a healthier, more energized you. Remember, a great night's sleep (6) **is** just a click away!

Question 1: A. **achieve** B. achieving C. achieves D. achieved

Question 2: A. learn B. forget C. **transform** D. worsen

Question 3: A. creates B. **offers** C. teaches D. fixes

Question 4: A. disturb B. improve C. **ruin** D. help

Question 5: A. from B. on C. of D. **for**

Question 6: A. **is** B. was C. can D. will

Đọc quảng cáo sau đây và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra phương án phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 1 đến 6:

CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG NGỦ CỦA BẠN

Bạn đã chán những đêm mất ngủ? Chương trình giấc ngủ mang tính cách mạng của chúng tôi được thiết kế để giúp bạn (1) **đạt được** giấc ngủ sâu hơn, thư thái hơn. Hãy tạm biệt việc trằn trọc và chào đón việc thức dậy sáng khoái. Thông qua thiền có hướng dẫn, âm thanh êm dịu và lời khuyên của chuyên gia, bạn sẽ (2) **chuyển đổi** chất lượng giấc ngủ của mình chỉ trong vài ngày. Bạn có thể truy cập chương trình của chúng tôi ngay tại nhà và chương trình này luôn sẵn sàng 24/7. Chương trình cũng (3) **cung cấp** các kế hoạch ngủ được cá nhân hóa dựa trên thói quen và sở thích của bạn. Đừng để giấc ngủ kém (4) **phá hỏng** ngày của bạn – hãy đăng ký ngay và khám phá sự khác biệt mà một đêm ngủ ngon có thể mang lại. Hãy dùng thử mà không phải lo lắng (5) **trong** 30 ngày và cảm thấy khỏe mạnh hơn, tràn đầy năng lượng hơn. Hãy nhớ rằng, một đêm ngủ ngon (6) **chỉ** cách bạn một cú nhấp chuột !

Câu hỏi 1: A. **đạt được** B. đạt được C. đạt được D. đạt được

Câu hỏi 2: A. học B. quên C. **biến đổi** D. tệ hơn

Câu hỏi 3: A. tạo ra B. **cung cấp** C. dạy D. sửa chữa

Câu hỏi 4: A. làm phiền B. cải thiện C. **phá hủy** D. giúp đỡ

Câu hỏi 5: A. từ B. trên C. của D. **cho**

Câu hỏi 6: A. **là** B. là C. có thể D. sẽ

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Boosting Your Immune System

Looking to strengthen your immune system and keep yourself healthy? Here are a few tips to help.

Important Facts: Nearly 40% of adults don't get enough vitamins and minerals, which are essential to (7) **maintain** a strong immune system. A healthy diet can make a huge difference in how you feel and how well your body fights illness.

What You Can Do:

- Eat a variety (8) **of** fruits and vegetables to boost your intake of vitamins.
- Exercise regularly! Physical activity helps boost circulation and support (9) **healthy** immune function.
- Get enough sleep! Lack of rest can weaken your ability to fight off (10) **infections**.
- Reduce stress! Chronic stress can (11) **lower** the immune system, so find time to relax and (12) **unwind** every day.

Question 7. **A. maintain** B. harm C. weaken D. ignore

Question 8. **A. in** **B. of** C. with D. for

Question 9. **A. fast** B. poor **C. healthy** D. low

Question 10. **A. connections** B. resistances C. interactions **D. infections.**

Question 11. **A. enhance** B. support **C. lower** D. increase

Question 12. **A. win** B. achieve **C. unwind** D. be hard-working

Đọc tờ rơi sau và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra phương án phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 7 đến 12.

Tăng cường hệ thống miễn dịch của bạn

Bạn đang muốn tăng cường hệ miễn dịch và giữ cho mình khỏe mạnh? Sau đây là một số mẹo hữu ích.

Sự kiện quan trọng: Gần 40% người lớn không nhận đủ vitamin và khoáng chất, những chất thiết yếu để (7) **duy trì** hệ thống miễn dịch mạnh mẽ. Một chế độ ăn uống lành mạnh có thể tạo ra sự khác biệt lớn về cảm giác của bạn và khả năng cơ thể bạn chống lại bệnh tật.

Những gì bạn có thể làm:

- Ăn nhiều loại (8) _____ trái cây và rau quả để tăng cường lượng vitamin hấp thụ.
- Tập thể dục thường xuyên! Hoạt động thể chất giúp tăng cường lưu thông máu và hỗ trợ (9) **chức năng miễn dịch** khỏe mạnh.
- Ngủ đủ giấc! Thiếu ngủ có thể làm suy yếu khả năng chống lại của bạn (10) **nhiễm trùng**.
- Giảm căng thẳng! Căng thẳng mãn tính có thể (11) **làm giảm** hệ thống miễn dịch, vì vậy hãy dành thời gian để thư giãn và (12) **giải tỏa căng thẳng** mỗi ngày.

Câu hỏi 7. **A. duy trì** B. gây hại C. làm suy yếu D. bỏ qua

Câu hỏi 8. **A. trong** **B. của** C. với D. cho

Câu hỏi 9. **A. nhanh** B. kém **C. khỏe mạnh** D. thấp

Câu hỏi 10. **A. kết nối** B. sức đề kháng C. tương tác **D. nhiễm trùng.**

Câu hỏi 11. A. tăng cường B. hỗ trợ **C. thấp hơn** D. tăng lên

Câu hỏi 12. A. chiến thắng B. đạt được **C. thư giãn** D. chăm chỉ làm việc

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13. a. Emma: Hey, Jack! I haven't seen you in ages.
b. Emma: That's fantastic! I need to get back to the gym, too.
c. Jack: Hi, Emma! Yeah, I've been busy with work, but I've also started going to the gym regularly.

A. a-c-b B. c-a-b C. a-b-c D. b-c-a

Question 14. a. John: I've been thinking about starting a new blog.
b. Linda: That's a great idea! What will it be about?
c. John: I'm planning to write about travel and photography.
d. Linda: Sounds exciting! You've always been passionate about those topics.

e. John: Exactly! I can't wait to share my experiences.
A. a-b-c-d-e B. a-c-d-b-e C. a-d-b-c-e D. a-b-d-

c-e

Question 15. Hi Sophie,
a. I've just finished reading the book you recommended.
b. It was such a gripping story! I couldn't put it down.
c. The characters were so well-developed, and the plot twists were unexpected.
d. Thanks again for the recommendation — I loved it!
e. Let's catch up soon and talk more about it.

Best,

James

A. a-b-c-d-e B. a-c-b-d-e C. a-b-d-c-e D. a-d-c-

b-e

Question 16. a. It also enhances cognitive abilities and boosts memory.
b. In addition, it can open doors to new career opportunities.
c. Language learning requires consistent practice and dedication.
d. Overall, it's a rewarding process that enriches both personal and professional life.

e. One of the main benefits of learning a new language is improving communication skills.

A. a-b-d-c-e B. a-c-b-d-e **C. e-a-b-c-d** D. a-d-c-

b-e

Question 17. a. As a result, they raised over \$10,000 to support educational programs.
b. It was a huge success, thanks to the effort of volunteers and organizers.
c. The community center recently hosted a charity event to raise funds for local schools.
d. The event attracted hundreds of people, including families and local businesses.
e. There were games, food stalls, and performances by students.

A. c-d-e-a-b

B. a-c-d-b-e

C. a-d-c-b-e

D. a-b-d-

c-e

Đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra cách sắp xếp các phát biểu hoặc câu sao cho tạo thành một cuộc trao đổi hoặc văn bản có ý nghĩa trong mỗi câu hỏi sau từ câu 13 đến câu 17.

Câu hỏi 13. a. Emma: Này, Jack! Tôi đã không gặp anh lâu lắm rồi.

b. Emma: Thật tuyệt! Tôi cũng cần quay lại phòng tập.

c. Jack: Chào Emma! Vâng, tôi bận rộn với công việc, nhưng tôi cũng bắt đầu đến phòng tập thường xuyên.

A. a-c-b

B. c-a-b

C. a-b-c

D. b-c-a

Câu hỏi 14. a. John: Tôi đang nghĩ đến việc bắt đầu một blog mới.

b. Linda: Đó là một ý tưởng tuyệt vời! Nó sẽ nói về điều gì?

c. John: Tôi đang có kế hoạch viết về du lịch và nhiếp ảnh.

d. Linda: Nghe có vẻ thú vị! Bạn luôn đam mê những chủ đề đó.

e. John: Chính xác! Tôi không thể chờ để chia sẻ kinh nghiệm của mình.

A. a-b-c-d-e

B. a-c-d-b-e

C. a-d-b-c-e

D. a-b-d-

c-e

Câu hỏi 15. Chào Sophie,

a. Tôi vừa mới đọc xong cuốn sách bạn giới thiệu.

b. Đó là một câu chuyện hấp dẫn! Tôi không thể đặt nó xuống.

c. Các nhân vật được xây dựng rất tốt và những nút thắt trong cốt truyện thật bất ngờ.

d. Cảm ơn bạn một lần nữa vì đã giới thiệu — Tôi rất thích nó!

e. Chúng ta hãy gặp lại nhau sớm và nói thêm về nó.

Thân ái,

James

A. a-b-c-d-e

B. a-c-b-d-e

C. a-b-d-c-e

D. a-d-c-

b-e

Câu hỏi 16. a. Nó cũng tăng cường khả năng nhận thức và tăng cường trí nhớ.

b. Ngoài ra, nó có thể mở ra cánh cửa đến với những cơ hội nghề nghiệp mới.

c. Học ngôn ngữ đòi hỏi sự luyện tập và cống hiến liên tục.

d. Nhìn chung, đây là một quá trình bổ ích làm phong phú thêm cả cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp.

e. Một trong những lợi ích chính của việc học một ngôn ngữ mới là cải thiện kỹ năng giao tiếp.

A. a-b-d-c-e

B. a-c-b-d-e

C. e-a-b-c-d

D. a-d-c-

b-e

Câu hỏi 17. a. Kết quả là họ đã quyên góp được hơn 10.000 đô la để hỗ trợ các chương trình giáo dục.

b. Đó là một thành công to lớn, nhờ vào nỗ lực của các tình nguyện viên và ban tổ chức.

c. Trung tâm cộng đồng gần đây đã tổ chức một sự kiện từ thiện để gây quỹ cho các trường học địa phương.

d. Sự kiện đã thu hút hàng trăm người, bao gồm các gia đình và doanh nghiệp địa phương.

e. Có các trò chơi, gian hàng thực phẩm và biểu diễn của học sinh.

A. c-d-e-a-b

B. a-c-d-b-e

C. a-d-c-b-e

D. a-b-d-

c-e

Read the following passage about cultural diversity and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Cultural diversity is a rich tapestry of beliefs, customs, and traditions that shape our world. It is essential to embrace and celebrate cultural diversity, as it fosters understanding, tolerance, and innovation. (18) **Diversity is essential for a thriving society.** From diverse perspectives come unique solutions to global challenges.

One of the most significant benefits of cultural diversity is the exchange of ideas and knowledge. (19) **By learning about different cultures, we can develop empathy and tolerance.** By interacting with people from different cultures, we can broaden our horizons and challenge our own assumptions.

Moreover, cultural diversity can enhance creativity and innovation. (20) **Diversity of thought can lead to innovative solutions.** When people from different backgrounds come together, they bring diverse perspectives and experiences, leading to new and innovative ideas.

However, cultural diversity can also pose challenges. (21) **Cultural diversity can lead to misunderstandings and conflicts.** Misunderstandings and conflicts may arise due to differences in language, customs, and values.

To promote cultural understanding and harmony, it is crucial to foster intercultural dialogue and empathy. (22) **By learning about different cultures, we can develop empathy and tolerance.** By learning about different cultures and respecting their traditions, we can build bridges and create a more inclusive world.

Question 18. A. However, cultural diversity can also lead to misunderstandings.

B. It is important to celebrate cultural differences.

C. Cultural diversity can lead to conflict and division.

D. Diversity is essential for a thriving society.

Question 19. A. Cultural exchange can lead to the spread of harmful stereotypes.

B. It is important to maintain our cultural identity.

C. Cultural diversity can lead to a loss of traditional values.

D. By learning about different cultures, we can develop empathy and tolerance.

Question 20. A. Cultural diversity can stifle creativity.

B. It is important to prioritize cultural homogeneity.

C. Diversity of thought can lead to innovative solutions.

D. Cultural differences can hinder collaboration.

Question 21. **A. Cultural diversity can lead to misunderstandings and conflicts.**

B. It is important to celebrate cultural differences.

C. Cultural diversity can lead to a loss of traditional values.

D. Diversity is essential for a thriving society.

Question 22. A. It is important to prioritize our own cultural identity.

B. By learning about different cultures, we can develop empathy and tolerance.

C. Cultural exchange can lead to the spread of harmful stereotypes.

D. Cultural diversity can lead to conflict and division.

Đọc đoạn văn sau về sự đa dạng văn hóa và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra phương án phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 18 đến 22.

Sự đa dạng văn hóa là một bức tranh phong phú về các tín ngưỡng, phong tục và truyền thống định hình nên thế giới của chúng ta. Điều cần thiết là phải chấp nhận và tôn vinh sự đa dạng văn hóa, vì nó thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung và đổi mới. (18) _ Sự đa dạng là điều cần thiết cho một xã hội thịnh vượng. _____. Từ những góc nhìn đa dạng sẽ đưa ra những giải pháp độc đáo cho những thách thức toàn cầu.

Một trong những lợi ích quan trọng nhất của sự đa dạng văn hóa là trao đổi ý tưởng và kiến thức. (19) _ Bằng cách tìm hiểu về các nền văn hóa khác nhau, chúng ta có thể phát triển sự đồng cảm và khoan dung. Bằng cách tương tác với những người từ các nền văn hóa khác nhau, chúng ta có thể mở rộng tầm nhìn và thách thức các giả định của chính mình.

Hơn nữa, sự đa dạng văn hóa có thể tăng cường sự sáng tạo và đổi mới. (20) _ Sự đa dạng về tư duy có thể dẫn đến các giải pháp sáng tạo. Khi mọi người từ nhiều nền tảng khác nhau đến với nhau, họ mang đến những góc nhìn và trải nghiệm đa dạng, dẫn đến những ý tưởng mới và sáng tạo.

Tuy nhiên, sự đa dạng văn hóa cũng có thể gây ra những thách thức. (21) _ Sự đa dạng văn hóa có thể dẫn đến hiểu lầm và xung đột. Sự hiểu lầm và xung đột có thể phát sinh do sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục và giá trị.

Để thúc đẩy sự hiểu biết và hòa hợp văn hóa, điều quan trọng là phải thúc đẩy đối thoại liên văn hóa và sự đồng cảm. (22) _ Bằng cách tìm hiểu về các nền văn hóa khác nhau, chúng ta có thể phát triển sự đồng cảm và khoan dung. Bằng cách tìm hiểu về các nền văn hóa khác nhau và tôn trọng truyền thống của họ, chúng ta có thể xây dựng những cây cầu và tạo ra một thế giới hòa nhập hơn.

Câu hỏi 18 . A. Tuy nhiên, sự đa dạng văn hóa cũng có thể dẫn đến hiểu lầm.

B. Điều quan trọng là phải tôn vinh sự khác biệt văn hóa.

C. Sự đa dạng văn hóa có thể dẫn đến xung đột và chia rẽ.

D. Sự đa dạng là điều cần thiết cho một xã hội phát triển.

Câu hỏi 19 . A. Giao lưu văn hóa có thể dẫn đến sự lan truyền các định kiến có hại .

B. Điều quan trọng là phải duy trì bản sắc văn hóa của chúng ta.

C. Sự đa dạng văn hóa có thể dẫn đến mất đi các giá trị truyền thống.

D. Bằng cách tìm hiểu về các nền văn hóa khác nhau, chúng ta có thể phát triển lòng đồng cảm và khoan dung.

Câu hỏi 20 . A. Sự đa dạng văn hóa có thể kìm hãm sự sáng tạo.

B. Điều quan trọng là phải ưu tiên tính đồng nhất về văn hóa.

C. Sự đa dạng trong tư duy có thể dẫn đến những giải pháp sáng tạo.

D. Sự khác biệt về văn hóa có thể cản trở sự hợp tác.

Câu hỏi 21 . A. Sự đa dạng văn hóa có thể dẫn đến hiểu lầm và xung đột.

B. Điều quan trọng là phải tôn vinh sự khác biệt văn hóa.

C. Sự đa dạng văn hóa có thể dẫn đến mất đi các giá trị truyền thống.

D. Sự đa dạng là điều cần thiết cho một xã hội phát triển.

Câu hỏi 22 . A. Điều quan trọng là phải ưu tiên bản sắc văn hóa của chúng ta.

B. Bằng cách tìm hiểu về các nền văn hóa khác nhau, chúng ta có thể phát triển lòng đồng cảm và khoan dung.

C. Giao lưu văn hóa có thể dẫn đến sự lan truyền những định kiến có hại.

D. Sự đa dạng văn hóa có thể dẫn đến xung đột và chia rẽ.

Read the following passage about urbanization and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

Urbanization refers to the increasing number of people that live in urban areas. It predominantly results from the movement of people from rural to urban areas, driven by the search for better employment opportunities, education, and living conditions. As cities grow, they often face challenges related to infrastructure, housing, and social services. This rapid growth can lead to overcrowded cities, traffic congestion, and strain on public services.

One of the most notable effects of urbanization is the change in land use. As urban areas expand, agricultural land and natural habitats are often converted into residential and industrial areas. This can lead to a decrease in local biodiversity and affect ecosystems. Additionally, urbanization contributes to environmental issues such as pollution and increased carbon emissions due to higher energy consumption.

Urbanization also has significant social and economic impacts. On one hand, cities can offer more job opportunities, higher salaries, and improved access to education and healthcare. On the other hand, the rapid influx of people can lead to inadequate housing and increased cost of living. This disparity often results in the growth of informal settlements and slums, where living conditions are poor, and residents lack access to basic services.

Governments and urban planners play a crucial role in managing urbanization effectively. By implementing sustainable development policies and investing in infrastructure, they can mitigate some of the negative impacts of urbanization. Strategies such as developing public transportation, creating green spaces, and ensuring affordable housing are essential for creating livable and sustainable cities.

Technology and innovation also contribute to addressing the challenges of urbanization. Smart city initiatives, for example, leverage technology to improve the efficiency of urban services, enhance the quality of life for residents, and reduce environmental impact. These advancements can help cities become more resilient and adaptable to the needs of their growing populations.

Question 23. Which of the following is NOT mentioned as a factor driving people to urban areas?

- A. Better employment opportunities
- B. Higher crime rates
- C. Improved living conditions
- D. Access to education

Question 24. The word "converted" in paragraph 2 is closest in meaning to:

- A. preserved
- B. destroyed
- C. transformed
- D. maintained

Question 25. The word "they" in paragraph 3 refers to:

- A. city-dwellers
- B. policies
- C. settlements
- D. governments and urban planners

Question 26. The word "disparity" in paragraph 3 could be best replaced by:

- A. equality
- B. similarity
- C. gap
- D. improvement

Question 27. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 5?

- A. Technology is the only solution to urbanization challenges.
- B. Innovations can help address the challenges posed by urbanization.
- C. Urbanization can be solved without technological advancements.
- D. Technology has no role in managing urbanization.

Question 28. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Urbanization does not affect land use.
- B. Cities never face challenges due to urbanization.

C. Urbanization can lead to the growth of informal settlements.

D. Urbanization solely benefits the economy.

Question 29. In which paragraph does the writer mention the social and economic impacts of urbanization?

A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 3 D. Paragraph 4

Question 30. In which paragraph does the writer explore technological solutions for urbanization?

A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 4 D. Paragraph 5

Đọc đoạn văn sau về quá trình đô thị hóa và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời để chỉ ra câu trả lời tốt nhất cho mỗi câu hỏi sau từ 23 đến 30.

Đô thị hóa đề cập đến số lượng người dân ngày càng tăng sống ở các khu vực thành thị. Nó chủ yếu là kết quả của sự di chuyển của người dân từ vùng nông thôn đến thành thị, thúc đẩy bởi việc tìm kiếm cơ hội việc làm, giáo dục và điều kiện sống tốt hơn. Khi các thành phố phát triển, chúng thường phải đối mặt với những thách thức liên quan đến cơ sở hạ tầng, nhà ở và dịch vụ xã hội. Sự tăng trưởng nhanh chóng này có thể dẫn đến các thành phố quá đông đúc, tắc nghẽn giao thông và gây áp lực lên các dịch vụ công.

Một trong những tác động đáng chú ý nhất của đô thị hóa là sự thay đổi trong sử dụng đất. Khi các khu vực đô thị mở rộng, đất nông nghiệp và môi trường sống tự nhiên thường được chuyển đổi thành khu dân cư và công nghiệp. Điều này có thể dẫn đến sự suy giảm đa dạng sinh học tại địa phương và ảnh hưởng đến các hệ sinh thái. Ngoài ra, đô thị hóa góp phần gây ra các vấn đề về môi trường như ô nhiễm và tăng lượng khí thải carbon do mức tiêu thụ năng lượng cao hơn.

Đô thị hóa cũng có tác động đáng kể về mặt xã hội và kinh tế. Một mặt, các thành phố có thể cung cấp nhiều cơ hội việc làm hơn, mức lương cao hơn và cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Mặt khác, dòng người đổ về nhanh chóng có thể dẫn đến tình trạng nhà ở không đủ và chi phí sinh hoạt tăng cao. Sự chênh lệch này thường dẫn đến sự phát triển của các khu định cư không chính thức và khu ổ chuột, nơi điều kiện sống kém và cư dân không được tiếp cận các dịch vụ cơ bản.

Chính phủ và các nhà quy hoạch đô thị đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý đô thị hóa hiệu quả. Bằng cách thực hiện các chính sách phát triển bền vững và đầu tư vào cơ sở hạ tầng, họ có thể giảm thiểu một số tác động tiêu cực của đô thị hóa. Các chiến lược như phát triển giao thông công cộng, tạo không gian xanh và đảm bảo nhà ở giá rẻ là điều cần thiết để tạo ra các thành phố đáng sống và bền vững.

Công nghệ và đổi mới cũng góp phần giải quyết những thách thức của quá trình đô thị hóa. Ví dụ, các sáng kiến về thành phố thông minh tận dụng công nghệ để cải thiện hiệu quả của các dịch vụ đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống cho cư dân và giảm tác động đến môi trường. Những tiến bộ này có thể giúp các thành phố trở nên kiên cường hơn và thích ứng hơn với nhu cầu của dân số ngày càng tăng.

Câu hỏi 23. Yếu tố nào sau đây KHÔNG được đề cập đến như là yếu tố thúc đẩy mọi người đến khu vực thành thị?

A. Cơ hội việc làm tốt hơn B. Tỷ lệ tội phạm cao hơn

C. Cải thiện điều kiện sống D. Tiếp cận giáo dục

Câu hỏi 24. Từ "converted" trong đoạn 2 có nghĩa gần nhất với:

A. bảo tồn B. phá hủy C. chuyển đổi D. duy trì

Câu hỏi 25. Từ "they" trong đoạn 3 đề cập đến:

A. dân thành thị B. chính sách
C. khu định cư D. chính phủ và các nhà quy hoạch đô thị

Câu hỏi 2 6. Từ "**disparity**" trong đoạn 3 có thể được thay thế tốt nhất bằng:

- A. sự bình đẳng B. sự giống nhau **C. khoảng cách** D. cải tiến

Câu hỏi 2 7. Câu nào sau đây diễn giải đúng nhất câu gạch chân trong đoạn 5?

- A. Công nghệ là giải pháp duy nhất cho những thách thức của quá trình đô thị hóa.
B. Những đổi mới có thể giúp giải quyết những thách thức do quá trình đô thị hóa đặt ra.
C. Quá trình đô thị hóa có thể được giải quyết mà không cần tiến bộ công nghệ.
D. Công nghệ không có vai trò trong việc quản lý quá trình đô thị hóa.

Câu hỏi 2 8. Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG ?

- A. Đô thị hóa không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất.
B. Các thành phố không bao giờ phải đối mặt với những thách thức do đô thị hóa.
C. Đô thị hóa có thể dẫn đến sự phát triển của các khu định cư không chính thức.
D. Đô thị hóa chỉ mang lại lợi ích cho nền kinh tế.

Câu hỏi 2 9. Đoạn văn nào tác giả đề cập đến tác động xã hội và kinh tế của quá trình đô thị hóa ?

- A. Đoạn 1 B. Đoạn 2 **C. Đoạn 3** D. Đoạn 4

Câu hỏi 30. Trong đoạn văn nào, tác giả khám phá các giải pháp công nghệ cho quá trình đô thị hóa ?

- A. Đoạn 1 B. Đoạn 2 C. Đoạn 4 **D. Đoạn 5**

Read the following passage about the role of technology in education and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

[I] Technology has transformed education in numerous ways, enhancing accessibility, interactivity, and the quality of educational resources. [II] Digital tools and online platforms enable students to access a wealth of information from anywhere in the world, **breaking down traditional barriers** to learning (Merrill & Smith, 2020). [III] Despite **its** benefits, the integration of technology in education also brings challenges, such as maintaining student engagement and managing screen time effectively (Wang & Liu, 2021). [IV]

One major advantage of technology in education is its ability to facilitate personalized learning. Unlike conventional classroom settings, digital platforms can adapt content to meet the individual needs and learning pace of each student. For example, many educational apps use algorithms to assess a student's progress and adjust activities accordingly, promoting a tailored approach to education. This allows students to learn in a way that best suits their unique strengths and weaknesses.

However, the increased use of technology in the classroom can have downsides. Excessive screen time is linked to a range of issues, including eye strain, reduced physical activity, and decreased social interaction. In addition, some students may feel isolated as they interact with screens rather than with peers, limiting opportunities for collaboration and teamwork (Rosen & Carrier, 2019).

To balance these pros and cons, educators are encouraged to **blend** technology with traditional teaching methods. This approach, often referred to as "blended learning," enables students to benefit from digital tools while still engaging in face-to-face interactions. According to experts, combining online resources with in-person activities can enhance learning outcomes, promoting both academic success and social skills (Garrison & Vaughan, 2018).

(Adapted from *Educational Technology and Pedagogy* by Merrill, Rosen, and colleagues)

Question 31. Where in paragraph I does the following sentence best fit?

Teachers now utilize digital resources like videos and interactive simulations to enrich lessons.

- A. [I] **B. [II]** C. [III] D. [IV]

Question 32. The phrase "breaking down traditional barriers" in paragraph 1 could be best replaced by ____.

- A. opening new perspectives **B. removing old obstacles**
C. creating innovative methods D. focusing on accessibility

Question 33. The word "its" in paragraph 1 refers to ____.

- A. information **B. technology** C. education D. resources

Question 34. According to paragraph 2, which of the following is NOT a benefit of personalized learning?

- A. Customizable learning pace B. Activities adjusted by algorithms
C. Enhanced teamwork D. Focus on individual needs

Question 35. Which of the following best summarizes paragraph 3?

- A. Excessive technology use in education may lead to isolation and reduced social skills.
B. Screen time in education can harm physical health and social interactions.
C. Technology reduces students' opportunities for collaboration and physical activity.
D. Over-reliance on technology negatively impacts students' overall health.

Question 36. The word "blend" in paragraph 4 is CLOSEST in meaning to ____.

- A. replace B. separate **C. combine** D. emphasize

Question 37. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Technology should fully replace traditional teaching methods to improve learning.
B. Blended learning enhances both educational outcomes and social skills.
C. Screen time has only positive effects on students' learning experience.
D. Digital tools are primarily used for high-level education only.

Question 38. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. Combining traditional and digital methods allows for improved academic performance and social interaction.**
B. Blended learning only succeeds if digital tools are minimized in classrooms.
C. Schools must completely integrate digital tools into lessons to enhance learning.
D. Focusing on digital resources is essential for successful academic outcomes.

Question 39. Which of the following can be inferred from the passage?

- A. Technology may eventually eliminate the need for in-person learning.
B. Students prefer screen-based learning over traditional classroom interactions.
C. Digital resources offer accessibility benefits but should be used in moderation.
D. Blended learning has little effect on students' social development.

Question 40. Which of the following best summarizes the passage?

- A. While digital tools revolutionize education through accessible information and personalization, balancing these with traditional methods can maximize learning and social benefits.**
B. Technology fully transforms education by replacing conventional methods, eliminating social skills concerns, and enabling personalized learning.
C. Screen time limitations in classrooms are necessary to prevent physical and social

- A. Tốc độ học tập có thể tùy chỉnh
thuật toán
- B. Các hoạt động được điều chỉnh bằng
- C. Làm việc nhóm được tăng cường
- D. Tập trung vào nhu cầu cá nhân

Câu hỏi 35. Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 3 ?

- A. Việc sử dụng công nghệ quá mức trong giáo dục có thể dẫn đến sự cô lập và giảm các kỹ năng xã hội.
- B. Thời gian sử dụng màn hình trong giáo dục có thể gây hại cho sức khỏe thể chất và các tương tác xã hội.
- C. Công nghệ làm giảm cơ hội hợp tác và hoạt động thể chất của học sinh.
- D. Việc quá phụ thuộc vào công nghệ ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tổng thể của học sinh.

Câu hỏi 36. Từ "**blend**" ở đoạn 4 có nghĩa GẦN NHẤT với _____ .

- A. thay thế
- B. tách biệt
- C. kết hợp
- D. nhấn mạnh

Câu hỏi 37. Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG ?

A. Công nghệ nên thay thế hoàn toàn các phương pháp giảng dạy truyền thống để cải thiện việc học.

B. Học tập kết hợp nâng cao cả kết quả giáo dục và kỹ năng xã hội.

C. Thời gian sử dụng màn hình chỉ có tác động tích cực đến trải nghiệm học tập của học sinh.

D. Các công cụ kỹ thuật số chủ yếu chỉ được sử dụng cho giáo dục trình độ cao.

Câu hỏi 38. Câu nào sau đây diễn giải đúng nhất câu gạch chân trong đoạn 4 ?

A. Kết hợp các phương pháp truyền thống và kỹ thuật số cho phép cải thiện hiệu suất học tập và tương tác xã hội.

B. Học tập kết hợp chỉ thành công nếu các công cụ kỹ thuật số được giảm thiểu trong lớp học.

C. Các trường phải tích hợp hoàn toàn các công cụ kỹ thuật số vào bài học để nâng cao việc học.

D. Tập trung vào các nguồn lực kỹ thuật số là điều cần thiết để có kết quả học tập thành công.

Câu hỏi 39. Có thể suy ra điều nào sau đây từ đoạn văn ?

A. Công nghệ cuối cùng có thể loại bỏ nhu cầu học trực tiếp.

B. Học sinh thích học qua màn hình hơn là tương tác trong lớp học truyền thống.

C. Tài nguyên kỹ thuật số mang lại lợi ích về khả năng truy cập nhưng nên sử dụng ở mức độ vừa phải.

D. Học tập kết hợp ít ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội của học sinh.

Câu hỏi 40. Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn văn này ?

A. Trong khi các công cụ kỹ thuật số cách mạng hóa giáo dục thông qua thông tin dễ tiếp cận và cá nhân hóa, việc cân bằng những điều này với các phương pháp truyền thống có thể tối đa hóa việc học và lợi ích xã hội.

B. Công nghệ chuyển đổi hoàn toàn giáo dục bằng cách thay thế các phương pháp thông thường, loại bỏ các mối quan tâm về kỹ năng xã hội và cho phép học tập được cá nhân hóa.

C. Giới hạn thời gian sử dụng màn hình trong lớp học là cần thiết để ngăn ngừa các vấn đề về thể chất và xã hội, bất chấp những lợi ích cá nhân hóa của các nguồn tài nguyên kỹ thuật số.

D. Học tập được cá nhân hóa và học tập kết hợp là điều cần thiết để đạt được thành công trong học tập, trong khi công nghệ đóng vai trò nhỏ trong cải cách giáo dục.

-----HẾT-----